**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU** **CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2023/DS-PT
Ngày: 25/8/2023
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Bùi Thị Phương Loan

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24, 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2023/TLPT- DS ngày 19/5/2023 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 183/202/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thái Thành L1, sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Khóm 3, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L1: Luật sư Du Thị Bột – Văn phòng luật sư Mũi Cà Mau, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: Số 83 Đinh Tiên Hoàng, khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thu H1, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Khóm 3, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Thái Quốc V1, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Khóm 3, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Thái Thành Vị (đã chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Vị bao gồm:

1.1/ Bà Lê Kim L3, sinh năm 1940 (vợ ông Vị - xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

1.2/ Chị Thái Thị D1, sinh năm: 1958 (con ông Vị - vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

1.3/ Chị Thái Thị S1, sinh năm: 1964 (con ông Vị - xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Điền, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

1.4/ Anh Thái Thành S2, sinh năm: 1966 (con ông Vị - có mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Nghiệp, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

1.5/ Anh Thái Thành B, sinh năm: 1969 (con ông Vị - xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Minh Thượng, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

1.6/ Anh Thái Văn V2, sinh năm: 1972 (con ông Vị - có mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

1.7/ Chị Thái Thị D2, sinh năm: 1975 (con ông Vị - vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Thái Thị D3, sinh năm: 1939.

Địa chỉ: Ấp Công Điền, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà D3: Chị Nguyễn Thị Thanh N2, sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Điền, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Thái Thành Khá (đã chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Khá bao gồm:

3.1/ Bà Trần Thị Xuân, sinh năm: 1950 (vợ ông Khá – có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3.2/ Chị Thái Thị L2, sinh năm: 1972 (con ông Khá – có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3.3/ Anh Thái Văn T1, sinh năm: 1975 (con ông Khá).

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh T1: Bà Trần Thị Xuân, sinh năm: 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3.4/ Chị Thái Thị S3, sinh năm: 1976 (con ông Khá – có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3.5/ Anh Thái Băng H2, sinh năm: 1979 (con ông Khá).

Địa chỉ: Khu đô thị Tài Lộc, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh H2: Bà Trần Thị Xuân, sinh năm: 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

4/ Ông Thái Thành K, sinh năm: 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

5/ Ông Thái Văn Hùng (đã chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Hùng bao gồm:

5.1/ Bà Lê Thu H1, sinh năm 1957 (vợ ông Hùng – vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

5.2/ Chị Thái Thị Thu N1 (Nhung), sinh năm: 1979 (con ông Hùng – vắng mặt).

Địa chỉ: Số 26, khóm 3, phường H, thị x, tỉnh B ..

5.3/ Anh Thái Hoàng V3, sinh năm: 1985 (con ông Hùng – vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

5.4/ Anh Thái Quốc V1, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

6/ Chị Hứa Thị Cẩm T2, sinh năm: 1991 (vợ Quốc Vĩ – xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Công Bình, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Thái Thành L1, những người liên quan là bà Lê Kim L3, Thái Văn V2, Nguyễn Thị Thanh N2, Thái Thành K, Trần thị Xuân, Thái Thị L2, Thái Văn T1, Thái Thị S3, Thái Băng H2, Thái Thành S2, bị đơn bà Lê Thu Hà.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Thái Thành L1 trình bày: Cha ông là ông Thái Thành Tựu, mẹ ông là bà Phạm Thị Phương sinh được 07 người con gồm Thái Thành Vị, Thái Thị D3, Thái Thành Hoặc, Thái Thành Khá, Thái Thành K, Thái Văn Hùng, Thái Thành L1. Lúc sinh thời, cha mẹ ông có tạo lập được một phần đất tổng diện tích hơn 27.000m$^2$. Năm 1994, mẹ ông được UBND huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 27.950m$^2$. Năm 1980, cha ông chết; năm 2003 mẹ ông chết, không ai để lại di chúc. Sau khi cha mẹ ông chết thì phần đất trên ông quản lý, canh tác nhưng do nước mặn làm không hiệu quả nên ông giao lại cho anh ruột ông là Thái Văn Hùng tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1980 ông Vị chết, ông Vị có vợ và 06 người con. Năm 1964 ông Hoặc chết, ông Hoặc không có vợ, con. Năm

2017 ông Khá chết, ông Khá có vợ và 05 người con. Năm 2017 ông Hùng chết, ông Hùng có vợ và 03 người con.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông L1 yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha mẹ ông để lại thành 06 kỷ phần bằng nhau. Tuy nhiên, các kỷ phần của ông Vị, bà D3, ông Khá, ông K đều thống nhất giao hết cho ông toàn quyền quản lý, sử dụng, ông tự thỏa thuận, tính toán lại với họ, không ai có yêu cầu hay khiếu nại gì khác.

- Bà Lê Thu H1 trình bày: Năm 1978 bà chung sống với ông Hùng, đến năm 1979 ông Hùng bị bắt nên bà về mẹ ruột ở Hộ Phòng, Giá Rai, Bạc Liêu sinh sống. Khi ông Hùng chấp hành án xong, bà quay về sống với ông Hùng và canh tác, mua bán trên đất cha, mẹ chồng. Khoảng năm 2001, ông Hùng khó khăn với vợ, con và bồ bịch nên bà tiếp tục dẫn con về mẹ ruột ở nhưng con bà vẫn tới lui canh tác và quản lý đất. Khi còn sống, cha mẹ chồng bà đã cho đất cho các anh chồng bà khi có gia đình riêng tư. Chỉ còn vợ chồng bà sống chung cha mẹ chồng đến khi qua đời và trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này đến nay. Vì vậy, bà không chấp nhận phân chia thừa kế cho bất kỳ ai. Trường hợp Tòa án giải quyết công bằng, đúng quy định pháp luật thì bà không có ý kiến gì khác.

- Anh Thái Quốc V1 thống nhất theo quan điểm của bà H1.

- Bà Lê Kim L3, bà Trần Thị Xuân, ông Thái Thành K, anh Thái Thành S2, anh Thái Văn V2, chị Nguyễn Thị Thanh N2, chị Thái Thị L2, chị Thái Thị S3 thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông L1, kỷ phần các ông, bà, anh, chị được hưởng sẽ giao hết cho ông L1, giữa ông L1 và các đương sự này tự thỏa thuận giải quyết, không đặt ra yêu cầu hay ý kiến gì khác.

- Chị Thái Thị D1, chị Thái Thị S1, anh Thái Thành B, chị Thái Thị D2, chị Thái Thị Thu N1, anh Thái Hoàng V3 thống nhất theo lời trình bày của bà H1, cho rằng ai cũng được chia phần rồi nên không đồng ý chia thừa kế. Trường hợp có phân chia thừa kế theo pháp luật thì các anh, chị giao kỷ phần cho bà H1 và anh Quốc Vĩ toàn quyền quản lý, sử dụng. Riêng chị D2 không đồng ý nhận di sản và cũng không giao lại cho ai.

- Chị Hứa Thị Cẩm T2 trình bày: Chị và anh Thái Quốc V1 chung sống với nhau năm 2013 tại thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Năm 2017, sau khi ông Hùng (cha chồng) của chị chết thì vợ chồng chị về phần đất này ở. Nay phát sinh tranh chấp thì do mẹ chồng và chồng chị toàn quyền quyết định, chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

*Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2023/DS – ST ngày 21/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Thành L1 về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Thái Thành Tựu và bà Phạm Thị Phương đối với phần đất có tổng diện tích 29.549,5m$^2$ theo mảnh trích đo địa chính ngày 11/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, tại các thửa số 92, 128, tờ bản đồ số 01, phần đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C . (kèm theo bản vẽ).

2. Buộc bà Lê Thu Hà, anh Thái Quốc V1 giao lại phần đất là di sản của ông Tựu và bà Phương để phân chia thừa kế cho các thừa kế của ông Tựu và bà Phương được thừa hưởng, cụ thể như sau:

- Ông Thái Thành L1 được nhận phần đất có tổng diện tích tương đương 17.549,5m$^2$, trong đó 150m$^2$ đất ở; 7.082,5m$^2$ đất lập vườn; 10.317m$^2$ đất nuôi trồng thủy sản kèm theo các công trình, vật kiến trúc và tài sản gắn liền trên đất. Vị trí phần đất có tứ cận Đông giáp Ngô Hằng Ni và Nguyễn Hoàng Gia cạnh dài từ mí sông Công Bình đến mí lộ nhựa; Tây giáp phần đất còn lại cạnh dài từ mí sông Công Bình đến mí lộ nhựa; Nam giáp sông Công Bình cạnh dài 43m; Bắc giáp lộ nhựa cạnh dài 45,85m.

- Bà Lê Thu H1 và anh Thái Quốc V1 được nhận phần đất có tổng diện tích tương đương 12.000m$^2$, trong đó 50m$^2$ đất ở; 1.400m$^2$ đất lập vườn; 10.550m$^2$ đất nuôi trồng thủy sản kèm theo các công trình, tài sản gắn liền trên đất. Vị trí phần đất có tứ cận Đông giáp Thái Thành L1 cạnh dài từ mí sông Công Bình đến mí lộ nhựa; Tây giáp Tạ Văn Trận cạnh dài từ mí sông Công Bình đến mí lộ nhựa; Nam giáp sông Công Bình cạnh dài 30m; Bắc giáp lộ nhựa cạnh dài 30m.

3. Buộc ông Thái Thành L1 hoàn trả giá trị các ngôi nhà có trên đất cho bà Lê Thu Hà số tiền 5.345.000đ.

4. Buộc bà Lê Thu Hà và anh Thái Quốc V1 hoàn trả giá trị kỷ phần thừa hưởng chênh lệch cho ông L1 số tiền 212.250.000đ.

5. Buộc bà H1 và anh Quốc Vĩ hoàn trả chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá cho ông L1 số tiền 1.836.000đ.

*Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất do chậm thi hành, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 30/3/2023 và ngày 03/4/2023, nguyên đơn là ông Thái Thành L1 cùng những người liên quan là bà Lê Kim L3, Thái Văn V2, Nguyễn Thị Thanh N2, Thái Thành K, Trần thị Xuân, Thái Thị L2, Thái Văn T1, Thái Thị S3, Thái Băng H2, Thái Thành S2 và bị đơn bà Lê Thu Hà có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Thái Thành L1 cùng những người liên quan là bà Lê Kim L3, Thái Văn V2, Nguyễn Thị Thanh N2, Thái Thành K, Trần thị Xuân, Thái Thị L2, Thái Văn T1, Thái Thị S3, Thái Băng H2, Thái Thành S2 kháng cáo yêu cầu được nhận đất không đồng ý nhận giá trị đất như án sơ thẩm đã tuyên xử.

Bà Lê Thu H1 kháng cáo không đồng ý trả lại cho ông L1 kỷ phần thừa kế chênh lệch có giá trị bằng tiền là 212.250.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, những người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về

nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử kháng cáo đối với bà Lê Thu Hà. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông L1 và người liên quan, sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời giao quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc đối với phần đất mồ mã thân tộc cho các con và cháu của ông Tựu và bà Phương không ai được ngăn cản.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý và giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn và những người liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm và yêu cầu xem xét lại bản án với lý do:

Ông L1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế theo đúng kỹ phần được chia là quyền sử dụng đất cho 06 kỹ phần với mỗi kỹ phần là 4.924,9 m2 phần bà H1 và ông V1 được hưởng nếu không nhận đất thì ông L1 nhận và hoàn tiền lại. Đối với việc buộc hoàn trả giá trị căn nhà ông không đồng ý vì nhà là do ông bỏ tiền xây dựng cho ông Thái Văn Hùng ở nên không có căn cứ buộc ông trả giá trị cho bà H1.

Bà H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu phân chia toàn bộ phần đất 29.549, 5m2 cho bà H1 vì phần đất này cha mẹ chồng đã cho vợ chồng bà có lời di nguyện ghi âm bằng băng nhựa của mẹ chồng bà, gia đình bà đã trực tiếp quản lý đất, đóng góp cải tạo đất lập vườn sử dụng liên tục trên 20 năm. Trường hợp không được chấp nhận nhờ xem xét lại số tiền giá trị đất bà phải trả cho ông L1 là 212.250.000 đồng.

Bà L3, ông S2, ông V2, bà X, bà L2, ông T1, ông H2, bà S3, bà N2, ông K kháng cáo không đồng ý nhận giá trị đất yêu cầu được nhận kỷ phần của mình là đất và thống nhất giao cho ông L1 trực tiếp nhận với lý do các con không có đất sản xuất phải đi làm thuê, mướn nên xin được nhận đất để canh tác, sử dụng.

[3] Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Lê Thu Hà, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà H1 có kháng cáo nhưng tại phiên tòa bà H1 vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử và bà H1 cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt nên xem như bà H1 đã từ bỏ quyền kháng cáo của mình. Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H1.

[4] Xét kháng cáo của ông L1 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thấy rằng:

Lời trình bày của bà H1 cho rằng khi còn sống, cha mẹ chồng bà đã phân chia đất riêng tư cho các anh chồng bà khi lập gia đình, phần còn lại hiện nay chỉ chia cho chồng bà và ông L1 mỗi người một nửa nên bà không đồng ý phân chia thừa kế theo pháp luật. Bởi lẽ, phần tài sản được tặng cho và phần di sản thừa kế là hai mối quan hệ pháp luật khác nhau việc thể hiện ý chí của người có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất để phân chia cho ông Hùng và ông L1 mỗi người một nửa cũng không có tài liệu, chứng cứ nào ghi nhận. Vì vậy, toàn bộ diện tích đất nêu trên vẫn được xác định là di sản của ông Tựu và bà Phương để lại. Do ông Tựu và bà Phương khi mất không để lại di chúc định đoạt di sản của ông, bà cho ai nên án sơ thẩm phân chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo nguyên đơn và các đồng thừa kế là người liên quan yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế theo đúng kỷ phần được chia là quyền sử dụng đất cho 06 kỷ phần với mỗi kỷ phần là 4.924,9 $m^2$, yêu cầu được nhận đất và **không đồng ý giao kỷ phần đất cho bà H1 <u>nhận giá trị</u> mà yêu cầu giao đất cho ông L1**, đối với kỷ  phần bà H1 và ông V1 được hưởng nếu không nhận đất thì ông L1 yêu cầu nhận và hoàn tiền lại.

Thấy rằng án sơ thẩm giao cho bà H1 quản lý sử dụng 12.000 $m^2$ và hoàn trả giá trị tương ứng với kỷ phần chênh lệch được hưởng bằng tiền là 212.250.000 đồng là chưa phù hợp bởi lẽ:

Mặc dù bà H1 và ông Hùng là vợ chồng nhưng trên thực tế vợ chồng ông, bà không sống chung từ nhiều năm, ông Hùng chấp hành án tù và ra tù thì có  vợ khác và sau đó thì ly hôn và sống độc thân đến khi mất. Bà H1 và các con có nhà và sinh sống tại Hộ Phòng, Giá Rai, Bạc Liêu cho đến năm 2017 sau khi ông Hùng mất thì bà H1 và anh V1 mới về phần đất này.

Hơn nữa nguồn gốc đất là của cha mẹ ông L1 và các đồng thừa kế, còn bà H1 là con dâu. Quá trình giải quyết tất cả các đồng thừa kế đều thống nhất giao kỷ phần là đất cho ông L1 và kháng cáo không đồng ý giao đất cho bà H1 để nhận tiền giá trị đất. Trên thực tế ông L1 là con út và thờ cúng cha mẹ, trên đất có mồ mả cha mẹ ông bà của ông L1, giữa bà H1 và các con có mâu thuẫn trầm trọng với anh em ông L1 đã từng xảy ra xô xác và bị xử lý hình sự.

[6] Về hiện trạng đất thì phần đất này các cạnh có kích thước không đồng đều nhau, càng chia nhỏ thì càng chênh lệch về kích thước cũng như diện tích. Hơn nữa, phần lớn đất này dùng để nuôi trồng thủy sản nhưng trong đó có 300$m^2$ đất ở, diện tích đất trồng cây lâu năm chiếm đến 8.482,5$m^2$, diện tích nuôi trồng thủy sản chỉ còn lại 20.767$m^2$. Nếu chia bằng hiện vật là đất cho mỗi kỷ phần thì không đảm bảo việc sử dụng trên thực tế. Bên cạnh đó, trên phần đất có nhà của bà H1 đang ở và khu mộ gia đình nên không thể di chuyển, nếu phân chia các kỷ phần bằng nhau thì phải cắt một phần căn nhà và một phần khu mộ thì không có tính khả thi. Chính vì thế các kỷ phần được hưởng của bà L3, bà D3, bà X, ông K, anh S2, anh V2, chị L2, chị S3 đều thống nhất giao lại hết cho ông L1, giữa ông L1 và các đương sự này tự thỏa thuận giải quyết, không đặt ra yêu cầu hay ý kiến gì khác. Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy, kỷ phần còn lại của các thừa kế của ông Hùng giao lại cho bà H1

vẫn không đảm bảo sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và các đồng thừa kế không thống nhất giao phần đất được hưởng cho bà H1 nên cần phải buộc các đồng thừa kế của ông Hùng (bà H1, anh V1) giao lại toàn bộ kỷ phần là đất cho ông L1 quản lý, sử dụng đồng thời ông L1 có nghĩa vụ trả lại giá trị kỷ phần này cho các thừa kế của ông Hùng là phù hợp.

Theo định giá tổng giá trị đất là 813.815.000 đồng nên một kỷ phần có giá trị bằng tiền là 135.635.000 đồng.

[7] Đối với kháng cáo ông L1 về trả giá trị căn nhà cho bà H1 thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông L1 thống nhất không yêu cầu kháng cáo mà cho rằng tự **nguyện hỗ trợ cho bà H1 khi di dời nên chấp nhận tự nguyện ông L1 không xem xét mà giữ y án sơ thẩm phần này.**

[8] Đối với chị N1 và anh Hoàng Vĩ từ chối nhận kỷ phần thừa kế của ông Hùng mà giao lại cho anh Quốc Vĩ và bà H1 nên kỷ phần thừa kế của ông Hùng chỉ bà H1 và anh Quốc Vĩ được thừa hưởng là phù hợp.

[9] Đối với chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, có tổng số tiền 4.524.000đ do ông L1 tạm ứng thanh toán cho cơ quan chuyên môn nên người được hưởng thừa kế theo kỷ phần của mình là bà H1 phải chịu chi phí tương ứng và có nghĩa vụ trả lại cho ông L1 theo quy định tại Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể tổng diện tích 29.549,5m$^2$ với tổng chi phí 4.524.000đ, tức mỗi mét vuông khoảng 153đ. Bà H1, anh V1 trả lại ông L1 là 754.000 đồng, phần còn lại ông L1 tự chịu (ông L1 đã nộp xong).

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông L1 thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn án phí đối với kỷ phần của ông L1 theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phần ông L1 được nhận của các thừa kế khác giao lại (trừ bà D3, ông K) thì ông phải chịu án phí theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326. Bà H1 thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn án phí cho bà H1 theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Thái Quốc V1 phải chịu án phí tương ứng với giá trị kỷ phần tài sản được nhận theo quy định của pháp luật. Bà D3, ông K, bà X, chị L2, anh T1, chị S3, anh H2, bà L3, anh S2, anh V2 đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại.

[11] Từ những nhận định như đã nêu trên nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cần sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm những người kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu theo qui định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ Điều 269, khoản 2, khoản 5 Điều 308, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông L1 và những người liên quan bà L3, ông S2, ông V2, bà X, bà L2, ông T1, ông H2, bà S3, bà N2, ông K.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2023/DS-ST ngày 21/3/2023 của Toà án nhân dân Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phuc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thu Hà

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Thành L1 về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Thái Thành Tựu và bà Phạm Thị Phương đối với phần đất có tổng diện tích 29.549,5m$^2$ theo mảnh trích đo địa chính ngày 11/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, tại các thửa số 92, 128, tờ bản đồ số 01, phần đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C . (kèm theo bản vẽ).

3. Buộc bà Lê Thu Hà, anh Thái Quốc V1 giao lại phần đất là di sản của ông Tựu và bà Phương để phân chia thừa kế cho các thừa kế của ông Tựu và bà Phương được thừa hưởng, cụ thể:

- Ông Thái Thành L1 được nhận phần đất có tổng diện tích 29.549,5m$^2$ theo mảnh trích đo địa chính ngày 11/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, tại các thửa số 92, 128, tờ bản đồ số 01, phần đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C . (kèm theo bản vẽ).

**4. Buộc ông Thái Thành L1 hoàn trả giá trị các ngôi nhà có trên đất cho bà Lê Thu Hà số tiền 5.345.000đ.**

5. Buộc ông L1 hoàn trả cho bà Lê Thu Hà và anh Thái Quốc V1 một kỷ phần là giá trị phần đất được thừa hưởng từ kỷ phần của ông Hùng với số tiền 136.635.000đ.

6. Buộc bà H1 và anh Quốc Vĩ hoàn trả chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá cho ông L1 số tiền 754.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông L1 phải chịu 12.576.000đ, ngày 29/12/2017, ông L1 đã nộp tạm ứng án phí 3.079.000đ, lai thu số 7687 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu, ông L1 phải nộp tiếp số tiền 9.497.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Thái Quốc V1 phải chịu 3.390.000đ (chưa nộp). Bà D3, ông K, bà X, chị L2, anh T1, chị S3, anh H2, bà L3, anh S2, anh V2 không phải chịu án phí. Ngày 19/01/2018, ông K đã nộp tạm ứng án phí 1.913.000đ, lai thu số 7742; ngày 24/01/2018, bà X, chị L2,

anh T1, chị S3, anh H2 đã nộp tạm ứng án phí 1.913.000đ, lai thu số 7757; ngày 19/01/2018, bà D3 đã nộp tạm ứng án phí 1.913.000đ, lai thu số 7743; ngày 24/01/2018, bà L3, anh V2, anh S2 đã nộp tạm ứng án phí 1.913.000đ, lai thu số 7758 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Ông L1 và những người liên quan không phải nộp. Ngày 13/4/2023 bà L2, ông T1, bà S3 đã dự nộp 300.000 biên lai thu số 0006484 tại Chi cục Thi hành án huyện Trần Văn Thời được nhận lại; ngày 03/4/2023 ông S2 và ông V2 đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0006482 và 0006483 tại Chi cục Thi hành án huyện Trần Văn Thời được nhận lại; bà H1 đã được xét miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận*:
*- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
*- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;*
*- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ;*
*- Lưu án văn;*
*- Lưu VT(TM:TANDTCM).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Minh Hoàng**